TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- Bản án số: **17**/2018/HS-ST;
- Ngày: 31.5.2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***** *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài;**

***** *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: **Châu Vũ Bình**

+ Ông: **Nguyễn Trung Trực**

***** *Thư ký phiên tòa:* **Lê Nguyễn Ái Quyên** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

***** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** kiểm sát viên.

Trong ngày 30 và 31 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2018/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/HSST-QĐ ngày 15/5/2018, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Trần Hoàng A, sinh năm 1994

- Quê quán: huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- Sinh, trú quán: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Chăn nuôi.

- Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: 9/12.

- Con ông Trần Trọng Nh, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh năm 1974.

- Bị cáo là con duy nhất trong gia đình, chưa có vợ con.

- Tiền án: Không

- Tiền sự: Không.

- Ngày 06/11/2017, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú về tội "Đánh bạc".

2. Bị cáo Phan Thị B, sinh năm 1959

- Quê quán: huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- Sinh, trú quán: Ấp O, xã P, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Nội trợ.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: 07/12.

- Con ông Phan Văn Ch (mất) và bà Nguyễn Thị Ch1 (mất).

- Chồng Thái Văn T, sinh năm 1950.

- Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1983

- Tiền án: Không

- Tiền sự: 01 tiền sự.

+ Ngày 09/02/2017, bị cáo bị Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo đã đóng phạt xong.

- Ngày 06/11/2017, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú về tội "Đánh bạc".

3. Bị cáo Lê Thị C, sinh năm 1955

- Quê quán: huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- Sinh, trú quán: ấp O1, xã P, huyện X, Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Chăn nuôi.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: 05/12.

- Con ông Nguyễn Văn B (Lê Văn M), sinh năm 1915 (mất) và bà Phan Thị Ng, sinh năm 1913 (mất).

- Chồng: Lê Văn L, sinh năm 1956 và có 01 người con sinh năm 2002.

- Tiền án: Không

- Tiền sự: 01 tiền sự.

+ Ngày 13/3/2017, bị cáo bị Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo đã đóng phạt xong.

- Ngày 06/11/2017, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú về tội "Đánh bạc".

4. Bị cáo: Dương Thị D, sinh năm 1961

- Quê quán: huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- Thường trú: Ô1, Khu N1, Thị trấn X, huyện X, Tiền Giang.

- Chỗ ở hiện nay: Ô1, khu N1, Thị trấn X, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Buôn bán.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: 12/12.

- Con ông Dương Văn Ch, sinh năm 1913 (mất) và bà Phan Thị A1, sinh năm 1920 (mất).

- Anh (chị) em ruột: 07 người, bị cáo là con út trong gia đình.

- Chồng: Nguyễn Công Ph, sinh năm 1964 và có 01 con sinh năm 1995

- Tiền án: Không

- Tiền sự: Không.

+ Ngày 06/11/2017, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú về tội "Đánh bạc".

5. Bị cáo: Trần Văn E, sinh năm 1971

- Quê quán: huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- Sinh, trú quán: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Chăn nuôi.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: 5/12.

- Con ông: Trần Văn Đ, sinh năm 1935 (mất) và bà Tăng Thị T, sinh năm 1939 (mất).

- Vợ: Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1972 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1998

- Tiền án: Không

- Tiền sự: Không.

+ Ngày 06/11/2017, E bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện X khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú về tội "Đánh bạc".

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: **Thái Văn G, sinh năm 1950**

Địa chỉ: ấp O, xã P, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa, các bị cáo có mặt, ông G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 30/7/2017, Công an huyện X phối hợp cùng Công an xã N bắt quả tang 05 đối tượng đang đánh bạc ăn thua bằng tiền tại hộ Nguyễn Thị Hồng Ng ngụ ấp M, xã N, huyện X, gồm: Trần Hoàng A, Dương Thị D, Lê Thị C, Phan Thị B và Trần Văn E. Số tiền Công an thu được trên chiếu bạc tại thời điểm bắt quả tang là 5.800.000 đồng, trong đó: số tiền của A dùng để đánh bạc là 800.000 đồng, của D là 800.000 đồng, của C là 1.150.000 đồng, của B là 950.000 đồng và của E là 2.100.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận:

Vào khoảng 13 giờ ngày 30/7/2017, A điện thoại rủ E đến nhà bà Ng (mẹ ruột A) chơi đánh bài catte, hình thức ăn thua bằng tiền thì E đồng ý. Lúc này, D điều khiển xe môtô biển số 63T1– 0698 đi mua heo tại xã N nên có ghé vào nhà bà Ng chơi. Trước đó, D có điện thoại rủ B đến nhà bà Ng chơi nên B điều khiển xe môtô biển số 63FD– 0731 đến nhà bà Ng.

Tại nhà bà Ng, A và E rủ D và B cùng chơi đánh bài catte, hình thức ăn thua bằng tiền thì D và B đồng ý. Cùng lúc này, C đến nhà bà Ng chơi đánh tứ sắc (do bà Ng điện thoại rủ). Tuy nhiên khi đến nhà bà Ng, C thấy A, E, B và D đang chơi đánh bài catte nên cùng vào tham gia chơi. Cả nhóm thống nhất chơi đánh bài catte 06 lá. Mỗi lần chơi (ván), từng người sẽ đặt vào chiếu bạc số tiền 50.000 đồng, tổng cộng 05 người là 250.000 đồng, người thắng sẽ lấy số tiền 50.000 đồng trên chiếu bạc, nếu thắng đúp (thắng ba lượt đầu tiên, liên tiếp trong một lần chơi) thì lấy hết số tiền trên chiếu bạc. Khi hết tiền trên chiếu bạc, những người tham gia chơi tiếp tục đặt tiền ra chơi theo thỏa thuận như trên. Khi tham gia chơi đánh bạc, mỗi người chơi sẽ đưa cho A 50.000 đồng để mua bài và nước uống. Khi đánh bạc được khoảng 30 phút, bị Công an bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.800.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 13/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X đã truy tố bị cáo Trần Hoàng A, Phan Thị B, Lê Thị C, Dương Thị D, Trần Văn E về tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh như Cáo trạng đã truy tố. Từ cơ sở phân tích hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, đồng thời xem xét về nhân thân các của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Hoàng A từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; Phan Thị B từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, Lê Thị C từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, Dương Thị D từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, Trần Văn E từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc đã thu giữ trên chiếu bạc là 5.800.000 đồng, số tiền 200.000 đồng trong số tiền 2.000.000 đồng mà Công an đã thu giữ của bị cáo A vì bị cáo A có ý định dùng 200.000 đồng này để đánh bạc và 100.000 đồng còn dư sau khi mua bài và nước uống phục vụ cho việc đánh bạc;

- Tạm giữ số tiền 9.400.000 đồng mà Công an thu giữ trên người bị cáo B và số tiền 14.400.000 đồng mà Công an thu giữ của bị cáo D để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 15 bộ bài tây 52 lá (08 bộ đã sử dụng, 07 bộ chưa sử dụng);

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model RM - 1187, số CODE: 0529X825 đã thu giữ của bị cáo A, 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME màu xanh, số IMEL: 358063072504463, model

Gorilla, thu giữ của bị cáo E và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model RM – 1035, số CODE: 059W067 đã thu giữ của bị cáo C.

- Trả lại bị cáo D xe môtô biển số 63T1–0698;

- Tạm giữ xe môtô biển số 93F3–7112 thu giữ của bị cáo A để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho ông Thái Văn G xe môtô biển số 63FD–0731;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, lời trình bày của bị cáo, người làm chứng, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Thái Văn G được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông G.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về lời khai và hành vi của các bị cáo: các bị cáo cùng thừa nhận vào khoảng 14 giờ ngày 30/7/2017, tại nhà bà Ng, các bị cáo cùng chơi đánh bài catte 06 lá, hình thức ăn thua bằng tiền, mỗi lần chơi (ván), từng người sẽ đặt vào chiếu bạc số tiền 50.000 đồng, tổng cộng 05 người là 250.000 đồng, người thắng sẽ lấy số tiền 50.000 đồng trên chiếu bạc, nếu thắng đúp (thắng ba lượt đầu tiên, liên tiếp trong một lần chơi) thì lấy hết số tiền trên chiếu bạc. Khi đánh bạc, mỗi người chơi sẽ đưa cho A 50.000 đồng để mua bài và nước uống. Khi các bị cáo chơi đánh bạc được khoảng 30 phút thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.800.000 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng vật chứng thu giữ tại hiện trường cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận có tham gia đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền, số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 5.800.000 đồng. Do đó, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Hoàng A, Phan Thị B, Lê Thị C, Dương Thị D, Trần Văn E phạm tội "*Đánh bạc*". Vì vậy, Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 13/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố các bị cáo Trần Hoàng A, Phan Thị B, Lê Thị C, Dương Thị D, Trần Văn E về tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về điều luật áp dụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự, điều luật quy định: "*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào*

được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng .... thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm" và theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi và bổ sung năm 2017 đã quy định: "1. *Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng .... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi và bổ sung năm 2017 quy định hiệu lực của Bộ luật này đã quy định: "*1. Điều luật được áp dụng đối với một hành vi phạm tội là điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện.*

2. Điều luật quy định một tội phạm mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới hoặc hạn chế phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và quy định khác không có lợi cho người phạm tội, thì không được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành."

Qua so sánh quy định của các Điều luật của 02 Bộ luật trên Hội đồng xét xử thấy rằng: quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi và bổ sung năm 2017 quy định mức hình phạt theo hướng không có lợi cho bị cáo, cụ thể: quy định một hình phạt nặng hơn (*mức phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*) trong khi tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi và bổ sung năm 2009 quy định mức hình phạt nhẹ hơn (*mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng)* là có lợi cho bị cáo. Hơn nữa, theo quy định tại điểm h khoản 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 về việc áp dụng các tình tiết có lợi cho bị cáo vì thế Hội đồng xét xử quyết định áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xét xử đối với các bị cáo.

[6] Nhận định hành vi, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng của bị cáo:

[6.1] Hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự, an ninh xã hội và là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo biết rằng khi đánh bạc dù bất kỳ hình thức nào mà không được sự cho phép của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn đánh bạc là thể hiện sự xem thường pháp luật của các bị cáo do đó, cần xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung cho mọi người. Tuy nhiên trong vụ án này, các bị cáo tham gia đánh bạc với quy mô nhỏ, bộc phát nhất thời, số tiền dùng đánh bạc không lớn nghĩ nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà nghĩ nên áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Trong vụ án này, bị cáo A là người đề xuất, rủ rê và gọi điện thoại rủ các đồng phạm khác chơi đánh bạc, là người trực tiếp thu tiền của các bị cáo khác để đi mua bài và nước uống để tất cả cùng tham gia đánh bạc; các bị cáo B, C, D, E khi

được rủ thì đồng ý tham gia đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của các bị cáo.

[6.2] Tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[6.3] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo B và bị cáo C đã từng bị Công an xã P xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, tuy các bị cáo đã nộp phạt xong trong khi chưa hết thời gian để được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính thì bị cáo lại tiếp tục đánh bạc và bị khởi tố vụ án nên Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình phạt.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 5.800.000 đồng, là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà Công an đã thu giữ của bị cáo A, đây là tiền bị cáo dùng để mua cám cho heo ăn, bị cáo A có ý định nếu đánh bạc thua hết số tiền 800.000 đồng mà bị cáo để trên chiếu bạc sẽ lấy 200.000 đồng trong số tiền 2.000.000 đồng này để tiếp tục đánh bạc, mặc dù lúc bị bắt quả tang, bị cáo chưa sử dụng số tiền 200.000 đồng này để đánh bạc nhưng bị cáo đã có ý định sẽ dùng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng này là phù hợp với hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, số tiền 1.800.000 đồng còn lại tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 100.000 đồng là số tiền còn lại sau khi bị cáo A mua bài và nước uống để phục vụ cho việc đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

Đối với số tiền 9.400.000 đồng mà Công an thu giữ trên người bị cáo B là số tiền bị cáo sử dụng để chữa bệnh. Bị cáo không có ý định sử dụng số tiền này vào mục đích chơi đánh bạc nên trả lại nhưng sẽ tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 14.400.000 đồng mà Công an thu giữ của bị cáo D là số tiền bị cáo sử dụng để mua heo con về nuôi và bán lại. Bị cáo không có ý định sử dụng số tiền này vào mục đích chơi đánh bạc nên trả lại cho bị cáo nhưng sẽ tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Đối với 15 bộ bài tây 52 lá (08 bộ đã sử dụng, 07 bộ chưa sử dụng) các bị cáo sử dụng để đánh bạc, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model RM - 1187, số CODE: 0529X825, máy không có sim, thu giữ của bị cáo A. Tại phiên tòa, bị cáo A thừa nhận sử dụng điện thoại này để gọi rủ bị cáo E chơi đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME màu xanh, số IMEL: 358063072504463, model Gorilla, máy không có thẻ sim thu giữ của bị cáo E. Tại phiên tòa, bị cáo E thừa nhận bị cáo sử dụng điện thoại này liên lạc với bị cáo A để chơi đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model RM – 1035, số CODE: 059W067, máy không có thẻ sim, thu giữ của bị cáo C. Tại phiên tòa, bị cáo C thừa nhận bị cáo sử dụng điện thoại này liên lạc với bà Ng, bà Ng gọi rủ đến nhà bà Ng chơi đánh bạc (đánh tứ sắc) nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với xe môtô biển số 63T1–0698 thu giữ của bị cáo D. Xét thấy, mục đích ban đầu của bị cáo D là điều khiển xe để đi mua heo con, trong lúc chờ cân heo, D điều khiển xe này đến nhà của bà Ng chơi và đóng tiền hụi cho em của bà Ng chứ không phải đến nhà bà Ng để đánh bạc, sau khi đến nhà bà Ng thì A và E mới rủ chơi đánh bài do đó Hội đồng xet xử thống nhất trả lại cho bị cáo;

Đối với xe môtô biển số 93F3 – 7112 thu giữ của bị cáo A, xe này A mua lại của một người bán xe cũ (không biết họ tên, địa chỉ) tại xã N, huyện X. Qua xác minh, không tìm được người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe là Nguyễn Anh A. Bị cáo A sử dụng xe để đi đám tang về để tại nhà mẹ ruột của A và mới nảy sinh ý định đánh bạc nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với xe môtô biển số 63FD–0731, xe này do chồng của bị cáo B là ông Thái Văn G đứng tên. Ngày 30/7/2017, bị cáo B mượn xe môtô của ông G để đi công việc. Ông G không biết việc B điều khiển xe môtô trên để đi đánh bạc nên Hội đồng xet xử thống nhất trả lại cho ông G.

[8] Nhận định về các tình tiết khác: Đối với hành vi của Nguyễn Thị Hồng Ng: Khi các bị cáo đến nhà của Ng thì bị cáo A (con ruột Ng) lấy của mỗi người 50.000 đồng để mua bài và nước uống. Ng biết việc các bị can tham gia đánh bạc tại nhà của mình và đồng ý cho các bị can đánh bạc. Tuy nhiên, Ng không thu lợi gì từ việc cho các đối tượng đánh bạc. Do vậy, hành vi chứa bạc của Ng chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Gá bạc" nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện X đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị Hồng Ng là phù hợp quy định của pháp luật.

[9] Nhận định quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu về các chứng cứ buộc tội, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, xử lý vật chứng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án như nêu trên. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu

cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông Thái Văn G vắng mặt tính từ ngày được Tòa án tống đạt hoặc niêm yết Bản án hợp lệ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Hoàng A, Phan Thị B, Dương Thị D, Lê Thị C, Trần Văn E phạm tội "Đánh bạc"

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

*** Xử phạt:**

- Phạt bị cáo Trần Hoàng A số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng);*

- Phạt bị cáo Lê Thị C số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*

- Phạt bị cáo Phan Thị B số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*

- Phạt bị cáo Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*

- Phạt bị cáo Trần Văn E 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*

Các bị cáo có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: 15 bộ bài tây 52 lá (08 bộ đã sử dụng, 07 bộ chưa sử dụng)

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.800.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, số tiền 200.000 đồng trong số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của bị cáo A và số tiền 100.000 đồng mà bị cáo A mua nước và bài còn dư);

- Tiếp tục tạm giữ: số tiền 1.800.000 đồng và xe môtô biển số 93F3 – 7112 đã thu giữ của bị cáo Trần Hoàng A; số tiền 14.400.000 đồng của bị cáo Dương Thị D và số tiền 9.400.000 đồng của bị cáo Phan Thị B để đảm bảo thi hành án;

+ Sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model RM - 1187,số CODE: 0529X825 thu giữ của bị cáo A, 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME màu xanh, số IMEL: 358063072504463, model Gorilla thu giữ của bị cáo E và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model RM – 1035, số CODE: 059W067 thu giữ của bị cáo C.

+ Trả lại bị cáo Dương Thị D xe môtô biển số 63T1–0698 khi bản án có hiệu lực pháp luật;

+ Trả lại cho ông Thái Văn G xe môtô biển số 63FD–0731 khi bản án có hiệu lực pháp luật;

(*Theo Quyết định chuyển vật chứng số 12/QĐ-VKSCG ngày 13/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X)*.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Hoàng A, Phan Thị B, Dương Thị D, Lê Thị C, Trần Văn E, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông Thái Văn G tính từ ngày được Tòa án tống đạt hoặc niêm yết Bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Bị cáo, đương sự
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Tài